TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2018/HNGĐ-ST
Ngày 04/10/2018
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Lộc
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trần Xuân Văn
2. Bà Nguyễn Thị Vòng

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Lê Thị Tuyết Nga, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới.

Ngày 04 tháng 10 năm 2018 tại Hội trường của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 64/2018/HNGĐ-ST ngày 21 tháng 3 năm 2018 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên toà số: 27/2018/QĐST- HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Quang H, sinh năm 1986; địa chỉ cư trú: Thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1987; nơi đăng ký hộ khẩu: Xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; báo theo địa chỉ: TDP M, phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt lần thứ 2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Về hôn nhân:

- Trong đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 02/3/2018, bản tự khai và trong quá trình xét xử nguyên đơn anh H trình bày: Anh H và chị B quá trình tìm hiểu và đi đến hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 16/4/2014 tại UBND phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, theo giấy đăng ký kết hôn số: 43/2014. Sau khi kết hôn anh, chị chung sống tại thôn Tr, đến tháng 03 năm 2015 anh, chị sống ly thân cho đến nay. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, không hợp tính nhau, không quan tâm đến nhau. Nay anh H thấy tình cảm giữa anh và chị B không còn thương yêu nhau nên mong muốn được ly hôn.

- Ý kiến của chị B quá trình tìm hiểu và đi đến hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 16/4/2014 tại UBND phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình theo giấy đăng ký kết hôn số: 43/2014. Sau khi kết hôn anh, chị chung sống tại thôn Tr, đến tháng 03 năm 2015 anh, chị đã sống ly thân cho đến nay. Nguyên nhân do chồng cờ bạc, nợ Ngân hàng nhiều nẫy sinh mâu thuẫn, cải nhau đánh đập nhau, bất đồng quan điểm. Nay chị B thấy tình cảm giữa anh và chị không còn thương yêu nhau nên mong muốn được ly hôn.

2. Về nuôi con chung: Anh, chị chưa có.

3. Về chia tài sản: Anh, chị tự thoả thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả xét hỏi tại phiên toà, nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Anh Nguyễn Quang H có đơn đề nghị Toà án nhân dân thành phố Đồng Hới giải quyết việc xin ly hôn giữa anh và chi B, chị B đang ở trọ tại, TDP M, phường N, thành phố Đ. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Đ. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt trực tiếp thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự theo quy định của pháp luật. Nhưng anh H và chị B có mặt để làm bản tự khai sau đó chị B vắng mặt không lý do nên Toà án không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/8/2018 và tống đạt giấy triệu tập và quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh Hải và chị B nhưng chỉ có anh H đến tham gia phiên tòa vào ngày 11/9/2018, chị B vắng mặt tại phiên toà không có lý do, Toà án căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự để ra Quyết định hoãn phiên toà số: 27/2018/QĐST-HNGĐ ngày 11/9/2018. Sau đó Toà án tống đạt quyết định hoãn phiên toà và giấy triệu tập cho chị B và anh H để tham gia phiên toà vào ngày 04/10/2018 nhưng chị B vẫn vắng mặt lần thứ hai. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Toà án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị B.

[2]. Về hôn nhân: Anh H và chị B quá trình tìm hiểu và đi đến hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 16/4/2014 tại UBND phường B, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình theo giấy đăng ký kết hôn số: 43/2014 việc kết hôn của anh, chị đúng theo quy định của pháp luật. Vì vậy, hôn nhân giữa chị B và anh H là hợp pháp. Tại phiên toà anh H xác định tình cảm của anh đối với chị B hiện nay thật sự không còn thương yêu nhau, không thể xây dựng hạnh phúc gia đình, anh vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn với chị B. Theo bản tự khai ngày 03/4/2018 của chị B xác định tình cảm giữa chị và anh H không còn. Qua nghị án Hội đồng xét xử xét thấy, Tòa án đã triệp tập chị B đến để hòa giải việc xin ly hôn giữa anh H và chị B nhưng chị vẫn không có mặt

theo giấy triệu tập của Tòa án để trình bày tâm tư nguyện vọng của mình, qua hai lần xét xử chị B không có mặt theo giấy triệu tập của Toà án, thể hiện chị không thiết tha gì đối với hôn nhân của mình mà đã bỏ mặc. Tình trạng hôn nhân của anh, chị không thể khắc phục được, đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống không ai quan tâm ai, anh, chị đã sống ly thân nhau từ năm 2015 cho đến nay. Xử cho anh H được ly hôn chị B theo nguyện vọng của anh H là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về nuôi con chung: Anh, chị chưa có con chung.

[4]. Về chia tài sản: Anh, chị tự thoả thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về án phí: Áp dụng khoản 5 khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội 14.

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị B không phải chịu. Anh Nguyễn Quang H phải chịu án phí 300.000 đồng để sung quỹ Nhà nước, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0000337 ngày 21/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

- Án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ: Anh Nguyễn Quang H và chị Nguyễn Thi B không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về điều luật áp dụng: Áp dụng Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, xử:

2. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Nguyễn Quang H và chị Nguyễn Thị B.

3. Về nuôi con chung: Anh, chị chưa có con chung.

4. Về chia tài sản: Anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí:

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị B không phải chịu. Anh Nguyễn Quang H phải chịu án phí 300.000 đồng để sung quỹ Nhà nước nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0000337 ngày 21/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

- Án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ: Anh Nguyễn Quang H và chị Nguyễn Thi B không phải chịu.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên toà hoặc không có mặt khi

tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các Đương sự;
- VKSND TP. Đồng Hới;
- Chi cục THADS TP Đồng Hới;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- UBND phường B;
thành phố Đồng Hơi, tỉnh Quảng Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Hoàng Văn Lộc